

4

5

6

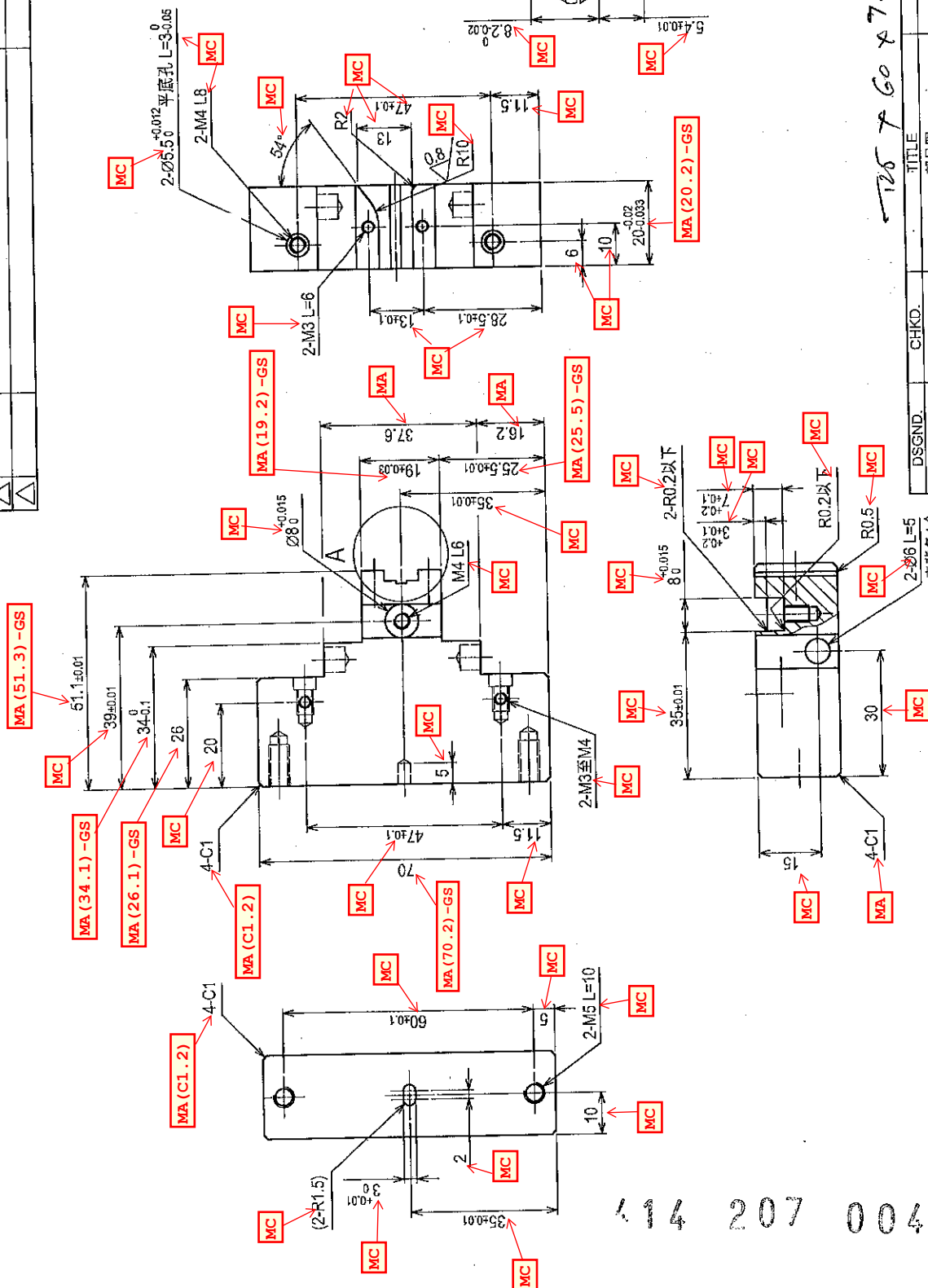
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF. No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
Init.	2015/06/24	工程改善(A)书 (CT-VDM-14-055A) 对应, 新规范设计	DD8-0482	Li, Yong An	Li, Yong An	0.5 ≤ φ ≤ 6 ± 0.1 6 < φ ≤ 30 ± 0.2 30 < φ ≤ 120 ± 0.3 120 < φ ≤ 400 ± 0.5
△						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLY TO ALL DIMENSIONS
△						FINISH MARKS

A

B

C

D



DSGND.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Liu_Yong_An	Qiu_jie_Cheng	部品図	座
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING	座
HRC 55° ~ 58°	S08	部品図	座
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG. No.
SKD11	2015/06/24	1:1	RO47224

4

3

2

1

SNO: **R047224**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>SKD11</b> <b>T22*56*75</b>	AA:20 MA:40 GS:40 MC:120 HT:40 AF:20 KT